TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2017/DS-ST.
Ngày: 25-10-2017.
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cường.

Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Hồng L (tên gọi khác: P); Nơi cư trú: Số nhà 24A đường Trưng Nữ Vương, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Ông Lê Tấn H; có mặt.

2. Bà Lê Ngọc M; vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Số nhà 57B đường Hoàng Hoa Thám, Phường 2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Hồng Trung T; Nơi cư trú: Số nhà 04 đường 30/4, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2017 của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng L và các lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/12/2013, ông Lê Tấn H và bà Lê Ngọc M có vay của bà L số tiền 20.000.000 đồng, không có làm biên nhận nợ, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay một

năm, mục đích vay để đổi bằng lái xe cho ông H và làm ăn, không có thế chấp tài sản. Từ ngày vay đến khi kết thúc thời hạn vay một năm ông H và bà M không trả vốn, lãi cho bà L. Đến tháng 12/2014, ông H và bà M tiếp tục hỏi bà L vay thêm 30.000.000 đồng, bà L đồng ý cho vay, ông H và bà M làm biên nhận nợ cho bà L. Biên nhận ngày 06/12/2013 có nội dung, bà Lê Ngọc M có mượn của chị P số tiền 50.000.000 đồng, có chồng là Lê Tấn H và vợ là Lê Ngọc M ký tên, biên nhận do bà M viết, thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả là 03 tháng. Khi làm biên nhận vay ông H và bà M trả lãi được 02 tháng với số tiền là 2.000.000 đồng. Bà L đã nhiều lần yêu cầu ông H và bà M trả tiền cho bà L nhưng ông H và bà M nêu đủ lý do để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, đến tháng 02/2017 bà L tiếp tục đòi ông H và bà M trả số tiền vốn, lãi cho bà L nhưng ông H và bà M vẫn không thực hiện. Do đó, bà L yêu cầu ông H và bà M phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vốn vay 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 2%/tháng, tính từ tháng 3/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Lê Tấn H trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Ông H thừa nhận biên nhận ngày 06/12/2003 do bà M viết, ông H và bà M ký tên. Sau khi vay ông H đóng lãi đầy đủ nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh, ông H và bà M chưa trả vốn cho bà L. Ông H thừa nhận còn nợ bà L số tiền vốn vay 50.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền trên theo phương thức trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 06 tháng 9 năm 2017 người làm chứng Nguyễn Hồng Trung T trình bày:

Anh là em ruột của bà L, anh và em của ông H là bạn thân. Em của ông H có nói với anh, ông H và bà M đang cần tiền để đổi bằng lái xe cho ông H, nhờ anh giúp dùm cho ông H và bà M vay tiền lúc khó khăn, anh có nói sự việc của ông H và bà M với chị ruột của anh là bà L và bà L đồng ý cho ông H và bà M vay hai lần: Tháng 12/2013 bà L cho ông H và bà M vay 20.000.000 đồng; tháng 12/2014 bà L cho ông H và bà M vay thêm 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thừa nhận có nhận 4.800.000 đồng (12 tháng x 2%/tháng x 20.000.000 đồng) tiền lãi của khoản vay 20.000.000 đồng và nhận 3.000.000 đồng (03 tháng x 2%/tháng x 50.000.000 đồng) tiền lãi của khoản vay 50.000.000 đồng, tổng cộng nhận 7.800.000 đồng. Yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh là 0,75%/tháng, tính từ ngày 06/3/2015 đến ngày 05/10/2017. Ông Lê Tấn H thừa nhận hiện vợ chồng còn nợ bà L số tiền vốn 50.000.000 đồng, xin tiền lãi và xin được trả dần mỗi tháng 300.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ

khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuyên xử:

Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng L.

Buộc ông Lê Tấn H và bà Lê Ngọc M liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Hồng L tiền vốn vay là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 6.750.000 đồng, tổng cộng vốn lãi là 56.750.000 đồng.

Về án phí:

Buộc ông Lê Tấn H và bà Lê Ngọc M phải chịu 2.837.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Hồng L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Nguyễn Hồng L 1.850.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002421 ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn Lê Ngọc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử.

Đây là vụ án dân sự về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015, xét giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn đang thực hiện có nội dung và hình thức khác với quy định Bộ luật Dân sự 2015 nên được áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[2] Về nội dung: Xét biên nhận (BL 61) có nội dung ngày 06/12/2013 bà M có vay của chị P số tiền 50.000.000 đồng có chữ ký của bà M, ông H và được ông H thừa nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 14/9/2017 (BL 56-57) và tại phiên tòa

hôm nay còn nợ bà L số tiền vốn vay đến nay chưa thanh toán. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà L đòi ông H, bà M phải thanh toán số tiền vốn theo biên nhận ngày 06/12/2013 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

Xét về mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu: Biên nhận (BL 61) thể hiện các bên không có thỏa thuận lãi suất, nguyên đơn cho rằng lãi suất 2%/tháng, còn bị đơn xác định lãi suất hơn 2%/tháng, nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, có căn cứ để xác định các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ được quy định tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 0,75%/tháng. Căn cứ quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm. Bà L yêu cầu mức lãi suất là phù hợp với khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận. Xét thấy, khi vay các đương sự thỏa thuận mức lãi suất vượt quá mức lãi suất quy định nên cần điều chỉnh lại số tiền lãi cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 05/10/2017 nên lãi được tính đến ngày 05/10/2017, cụ thể:

Đối với khoản vay ngày 06/12/2013, tiền lãi tính từ ngày 06/12/2013 đến 05/12/2014. Thành tiền: 20.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 12 tháng = 1.800.000 đồng (1).

Đối với khoản vay ngày 06/12/2014, tiền lãi tính từ ngày 06/12/2014 đến 05/10/2017. Thành tiền: 50.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 34 tháng = 12.750.000 đồng (2).

Tổng số tiền lãi của (1) + (2) là 14.550.000 đồng.

Số tiền lãi mà bị đơn trả cho nguyên đơn tính đến ngày 05/10/2017 theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm được tính là 14.550.000 đồng.

Số tiền lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn theo mức lãi suất được nguyên đơn thừa nhận 2%/tháng là 7.800.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 50.000.000 đồng + 6.750.000 đồng = 56.750.000 đồng.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn Lê Tấn H và Lê Ngọc M chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền mà bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn, được tính như sau: 56.750.000 đồng x 5% = 2.837.500 đồng.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuyên xử:

Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng L.

Buộc ông Lê Tấn H và bà Lê Ngọc M liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Hồng L tiền vốn vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng vốn lãi là 56.750.000đ (Năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí:

Buộc ông Lê Tấn H và bà Lê Ngọc M phải chịu 2.837.500đ (Hai triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Hồng L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Nguyễn Hồng L 1.850.000đ (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002421 ngày 22/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn Lê Tấn H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bị đơn Lê Ngọc M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TPVL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan